

CỔNG THANH TOÁN ONEFIN

HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP

Phiên bản 1.4



OneFin
VIETNAM

| Người tạo | Phiên bản | Trạng thái | Chi tiết | Thời gian |
|-------------------|-----------|------------|---------------------------------|-----------|
| thaита@onefin.vn | 1.0 | Init | | 03/2022 |
| taitran@onefin.vn | 1.1 | Update | Update Diagram | 05/2022 |
| dunganh@onefin.vn | 1.2 | Update | Cập nhật phương thức thanh toán | 04/2023 |
| dunganh@onefin.vn | 1.3 | Update | Chỉnh sửa nội dung | 05/2023 |
| dunganh@onefin.vn | 1.4 | Update | Cập nhật generate Bank QRCode | 06/2023 |



| | |
|---|----|
| 1. GIỚI THIỆU CHUNG..... | 4 |
| 2. CÁC CÁCH TÍCH HỢP CỔNG THANH TOÁN ONEFIN..... | 5 |
| 2.1. Sử dụng thiết kế có sẵn | 5 |
| 2.2. Merchant tự thiết kế | 8 |
| 3. SƠ ĐỒ LUÔNG XỬ LÝ..... | 11 |
| 3.1. Sử dụng thiết kế có sẵn | 11 |
| 3.2. Merchant tự thiết kế | 13 |
| 4. HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP (Áp dụng cho cả 2 tuỳ chọn tích hợp nêu trên) | 15 |
| 4.1. Chọn phương thức thanh toán (Tùy chọn)..... | 15 |
| 4.2. Gửi yêu cầu thanh toán..... | 16 |
| 4.3. Chuyển hướng đến cổng thanh toán OneFin | 18 |
| 4.4. Xử lý luồng callback từ phía cổng thanh toán OneFin | 18 |
| 4.5. Cổng thanh toán OneFin redirect về ứng dụng của merchant..... | 18 |
| 4.6. Kiểm tra trạng thái giao dịch..... | 19 |
| 5. API..... | 20 |
| 5.1. Gửi yêu cầu thanh toán..... | 20 |
| 5.2. Kiểm tra trạng thái giao dịch..... | 22 |
| 5.3. Callback | 23 |
| 5.4. Gửi yêu cầu tạo mã QRCode thanh toán..... | 24 |
| 6. THÔNG TIN THAM KHẢO VÀ DỮ LIỆU TEST | 27 |
| 6.1. Code | 27 |
| 6.1.1. Transaction Status Code..... | 27 |
| 6.1.2. Currency Code..... | 27 |
| 6.1.3. Payment Methods Code | 27 |
| 6.2. Tạo/xác thực chữ ký (Signature) | 27 |
| 6.3. Dữ liệu test | 27 |

1. GIỚI THIỆU CHUNG

- Tài liệu này cung cấp thông tin chi tiết để merchant tích hợp cổng thanh toán OneFin (OPG).
- Các phương thức thanh toán được hỗ trợ:
 - o Chuyển khoản NH
 - User quét mã VietQR trên ứng dụng mobile banking ngân hàng (OneFin đề nghị user sử dụng phương thức quét mã QR để giảm thiểu rủi ro khi nhập thủ công).
 - Hoặc user lựa chọn nhập thủ công số tài khoản, số tiền trong màn hình chuyển khoản trên ứng dụng mobile banking ngân hàng.
 - o Ví OneFin
 - Quét mã QR của merchant.
 - User đăng nhập thông qua tài khoản ví và thanh toán.
 - o Thẻ ATM
 - o Visa/Master/JCB



2. CÁC CÁCH TÍCH HỢP CỔNG THANH TOÁN ONEFIN

2.1. Sử dụng thiết kế có sẵn

Bước 1: Merchant tạo nút thanh toán gọi sang API của OneFin để thanh toán

The screenshot shows a shopping cart with three items:

- Slim Fit Striped Casual Shirt - white - m**: Price 10,000, Quantity 1, with a minus, plus, and delete icon.
- Slim Fit Casual Shirt - white - s**: Price 9,000, Quantity 1, with a minus, plus, and delete icon.
- Slim Fit Mid-Rise Light Fade Stretchable Jeans - blue - s**: Price 10,000, Quantity 1, with a minus, plus, and delete icon.

On the left, there's a sidebar with "Home page" and "Product" buttons, and a green "PAY WITH ONEFIN" button.

Bước 2: Onefin trả về URL của trang thanh toán, website merchant redirect vào trang này



Choose Your Payment Method

- Scan
- Domestic Debit Card (ATM)
- Visa/Master/JCB
- OneFin E-wallet

SELECT METHOD

Order ID : **wf1m9d9yolgloj50m**
Amount : **50,000.00 VND**
Total Amount : **50.000 VND**

Bước 3: User chọn phương thức thanh toán và làm theo hướng dẫn (Chuyển khoản - quét mã VietQR, Visa/Master/JCB, ATM - NAPAS, ví OneFin)

OneFin VIETNAM

Login mobile banking app for scanning QR Code or making quick transfer to other local bank 24/7

Order ID : wfmr9dbxslqlqr8t
Amount : 50,000 VND
Processing Fee : 5,500 VND
Total Amount : 55,500 VND

QR Code will expire after **04:15**

[DOWNLOAD QR CODE](#)

Choose Fast transfer 24/7 and choose Fee on sender

Account Number: 9076866000000916
Account Name: CONG THANH TOAN ONEFIN
Bank Name: VietinBank

Payment Amount: 5,500
(Note, the transaction is failed if the payment amount is not correct)

Please keep the browser open for 60s after making transfer to receive the result and avoid transaction errors

[Cancel and return](#)

OneFin VIETNAM

This transaction will be end in 14:58

Sub Total 5,000 VND
Provider OneFin
Order ID kmqp1l2rbg58w
Payment Amount 5,000 VND

Credit/Debit Card

Card number
Card holder name
Expiry date CVV
Email address for receipt (optional)

[Proceed](#)

[Cancel and return to shop](#)

Powered by OneFin VIETNAM

The security of this transaction is in compliance with

OneFin VIETNAM

This transaction will be end in 14:22

Sub Total 5,000 VND
Provider OneFin
Order ID kmqp1l2rbgjic
Payment Amount 5,000 VND

ATM Card

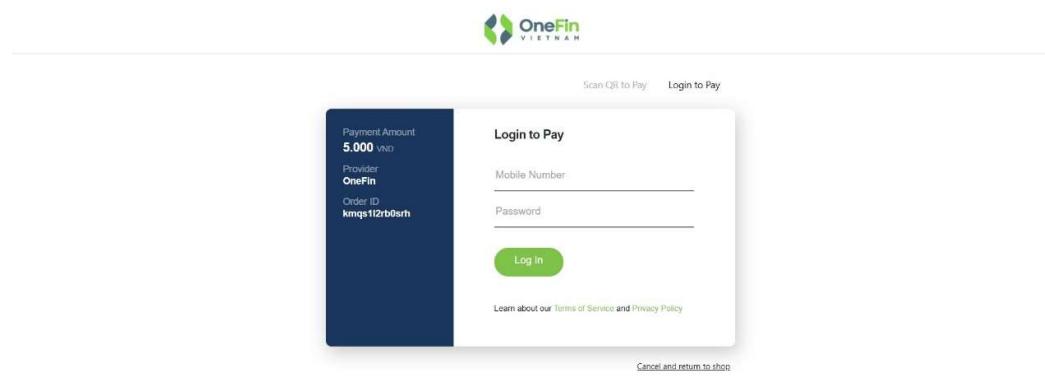
Card number
Card bank
Card holder name
Issue date
Email address for receipt (optional)

[Proceed](#)

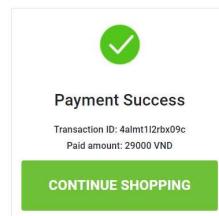
[Cancel and return to shop](#)

Powered by OneFin VIETNAM

The security of this transaction is in compliance with



Bước 4: OneFin Payment Gateway redirect về trang callback của merchant



2.2. Merchant tự thiết kế

Bước 1: Merchant tự thiết kế trang lựa chọn phương thức thanh toán (ví OneFin, ATM NAPAS, Visa/Master/JCB)

Home page Product Online Shopping  

You have 2 item(s) in your cart

Total: **22,000 VND**

[ORDER NOW](#)

[CONTINUE SHOPPING](#)



Men Navy Solid Round Neck Tshirt - white - m

11,000

[-] **2** [+]



Home page Product Online Shopping  

Order Summary

Total: **5,000 VND**

Choose Your Payment Method

Scan  

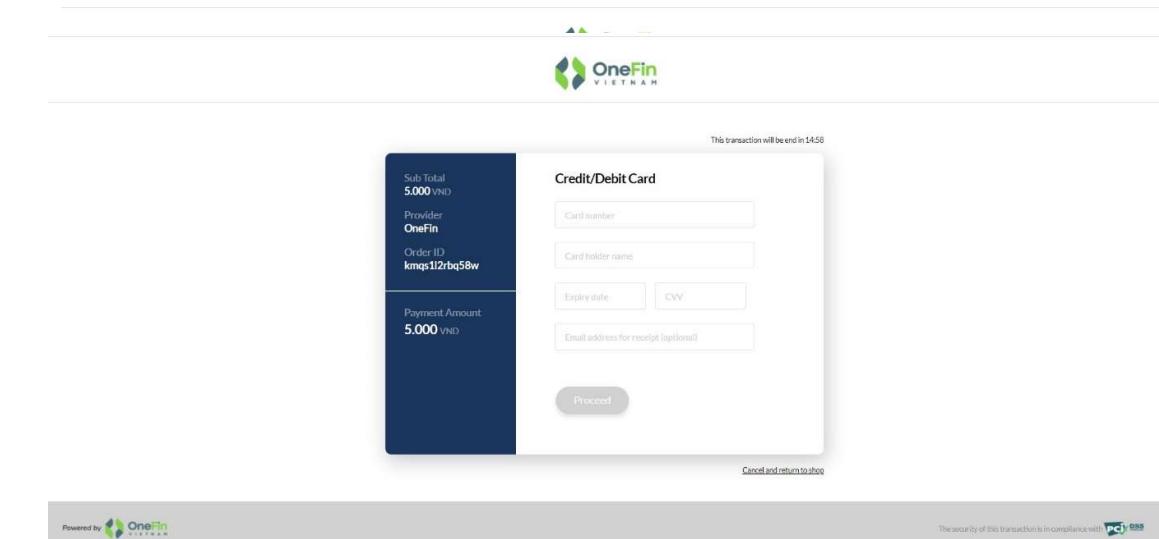
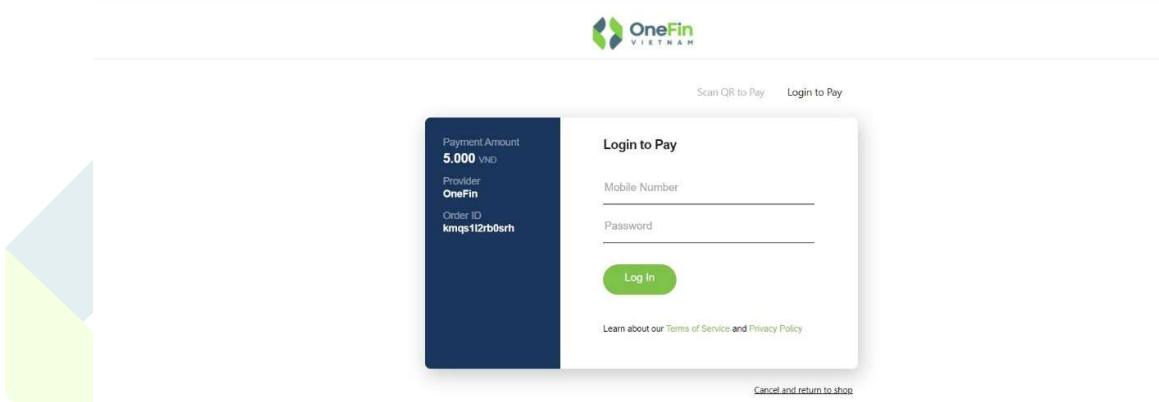
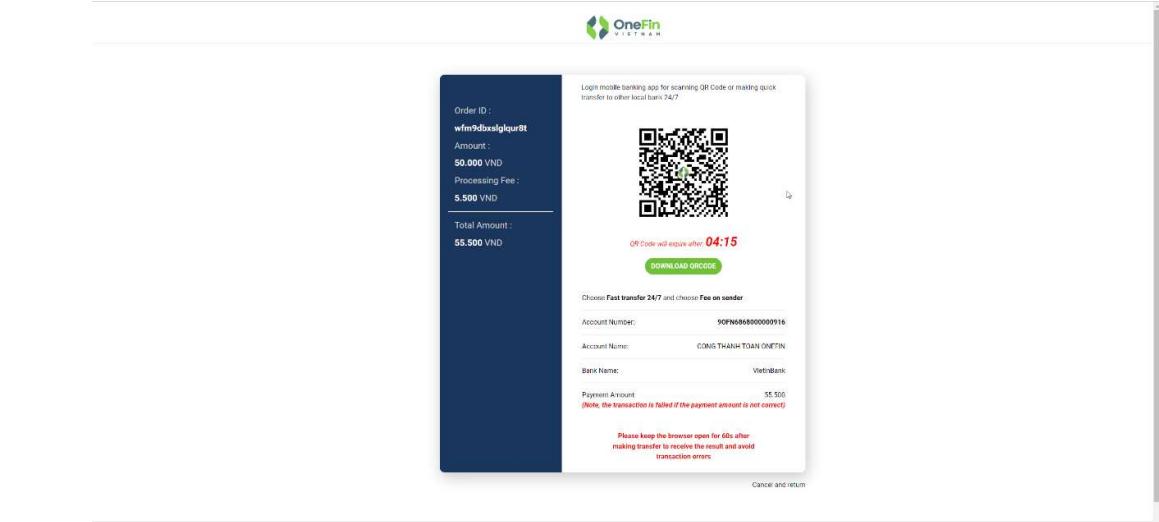
 OneFin E-wallet

 ATM card (Napas)

 Visa/Master/JCB/Amex/Discover/Diners

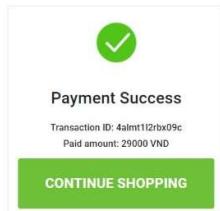
[ORDER NOW](#)

Bước 2: Merchant gọi sang API của OneFin với phương thức thanh toán trong request param, OneFin sẽ trả về URL của trang thanh toán, website merchant redirect vào trang này



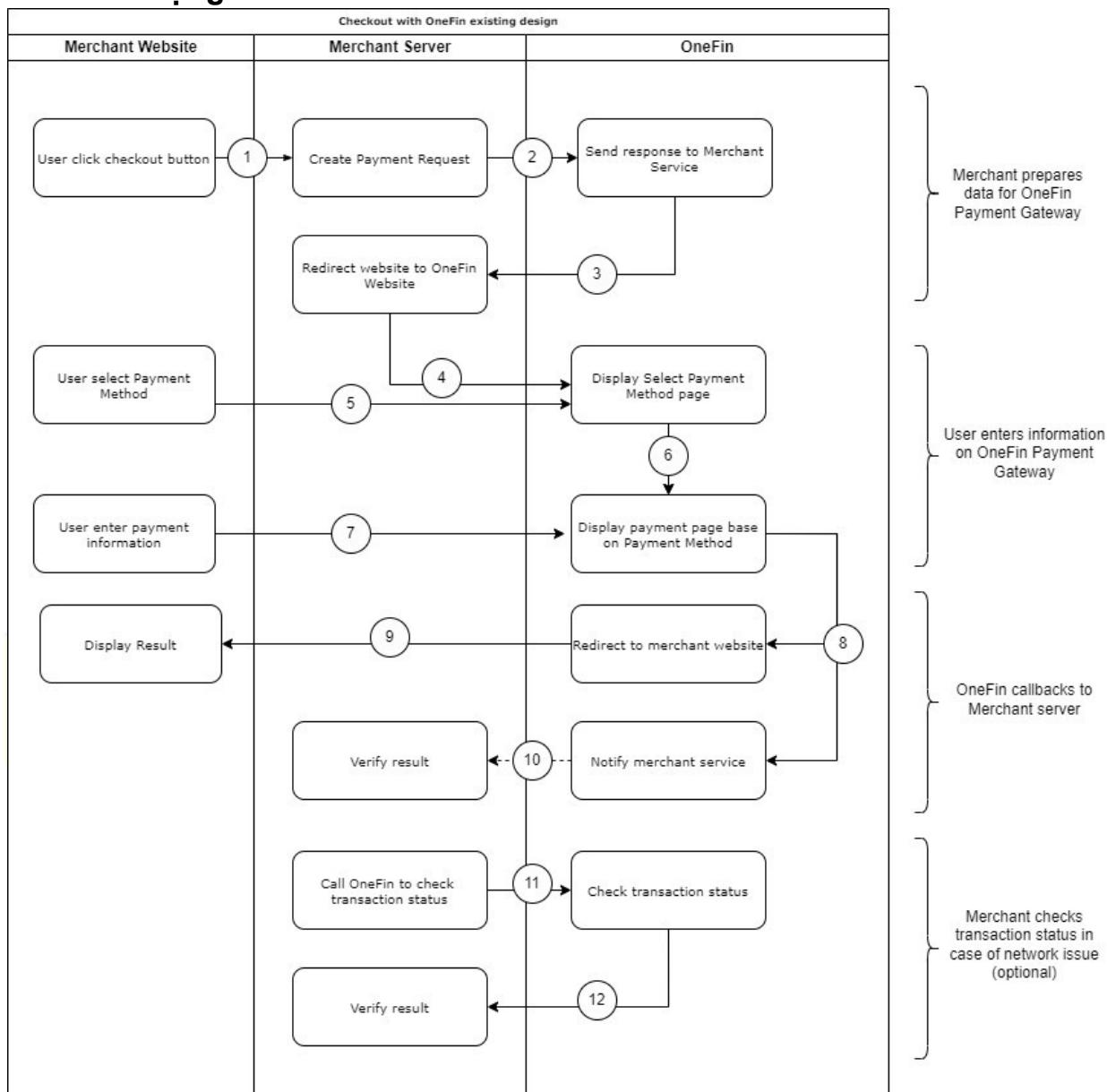
Bước 3: User làm theo hướng dẫn trên OneFin Payment Gateway

Bước 4: OneFin Payment Gateway redirect về trang callback của merchant



3. SƠ ĐỒ LUỒNG XỬ LÝ

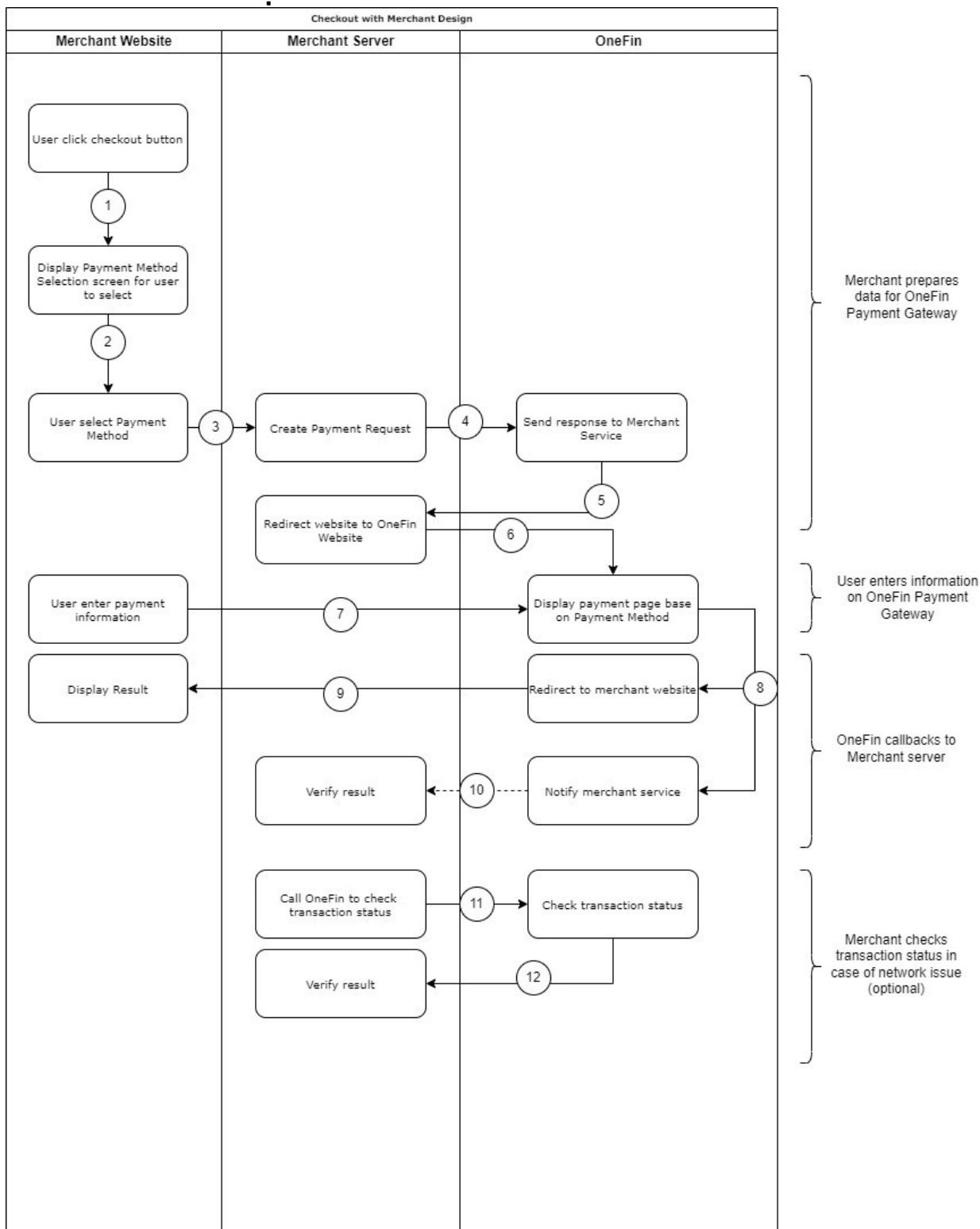
3.1. Sử dụng thiết kế có sẵn



| Bước | Chi tiết |
|---------|---|
| Bước 1: | User click nút thanh toán trên website của merchant, website của merchant gửi API xuống Merchant Server |
| Bước 2: | Merchant Server tạo body request và signing (4.2) |
| Bước 3: | OneFin trả về callback URL |

| | |
|----------|--|
| Bước 4: | Merchant Server verify signature và redirect vào callback URL (4.3) |
| Bước 5: | User chọn phương thức thanh toán trên OneFin Payment Gateway |
| Bước 6: | OneFin Payment Gateway hiển thị trang thông tin thanh toán |
| Bước 7: | User nhập thông tin thanh toán |
| Bước 8: | OneFin Payment Gateway xử lý giao dịch và redirect về website của merchant kèm theo transaction status, đồng thời gửi thông báo về Merchant Server |
| Bước 9: | Merchant Website hiển thị thị kết quả (4.5) |
| Bước 10: | Merchant Server verify và xử lý giao dịch theo nhu cầu của Merchant (4.4) |
| Bước 11: | (Tuỳ chọn) Merchant gọi sang OneFin để kiểm tra tình trạng giao dịch. Hành động này nên được thực hiện 15p sau khi khởi tạo giao dịch trong trường hợp có lỗi kết nối xảy ra giữa Merchant và OneFin |
| Bước 12: | (Tuỳ chọn) OneFin trả kết quả về Merchant Server. Merchant Server verify và xử lý giao dịch theo nhu cầu của Merchant |

3.2. Merchant tự thiết kế

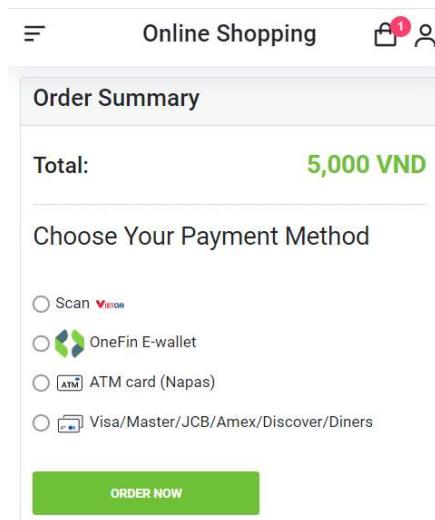


| Bước | Chi tiết | |
|----------|--|--|
| Bước 1: | User click nút thanh toán trên website của merchant, merchant website navigate sang page chọn phương thức thanh toán (4.1) | • Trang demo bán hàng sử dụng thiết kế của Merchant (2.2): https://sit-merchant-demo.onefin.vn |
| Bước 2: | User chọn phương thức thanh toán | |
| Bước 3: | User click nút thanh toán trên website của merchant, website của merchant gửi API xuống Merchant Server | |
| Bước 4: | Merchant Server tạo body request và signing (4.2) | |
| Bước 5: | OneFin trả về callback URL | • Trang ví dụ tạo Yêu cầu thanh toán (5.1) : |
| Bước 6: | Merchant Server verify signature và redirect vào callback URL (4.3) | |
| Bước 7: | User nhập thông tin thanh toán | |
| Bước 8: | OneFin Payment Gateway xử lý giao dịch và redirect về website của merchant kèm theo transaction status, đồng thời gửi thông báo về Merchant Server | |
| Bước 9: | Merchant Website hiển thị kết quả (4.5) | |
| Bước 10: | Merchant Server verify và xử lý giao dịch theo nhu cầu của Merchant (4.4) | |
| Bước 11: | (Tùy chọn) Merchant gọi sang OneFin để kiểm tra tình trạng giao dịch. Hành động này nên được thực hiện 15p sau khi khởi tạo giao dịch trong trường hợp có lỗi kết nối xảy ra giữa Merchant và OneFin (4.6) | |
| Bước 12: | (Tùy chọn) OneFin trả kết quả về Merchant Server. Merchant Server verify và xử lý giao dịch theo nhu cầu của Merchant | |

4. HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP (Áp dụng cho cả 2 tùy chọn tích hợp nêu trên)

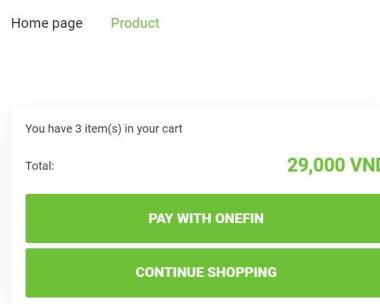
4.1. Chọn phương thức thanh toán (Tùy chọn)

Merchant tạo trang thanh toán như sau, sau đó khách hàng có thể yêu cầu thanh toán.



Khách hàng chọn một trong các phương thức thanh toán OneFin cung cấp, sau đó click chọn “Thanh toán ngay/ Order now” để tạo yêu cầu thanh toán để chuyển sang bước 4.2 (Cách tích hợp dành cho merchant tự thiết kế - Mục 2.2)

Nếu Merchant muốn người dùng chọn phương thức thanh toán bên cổng OneFin có thể bỏ qua bước này và chuyển sang bước 4.2 (Cách tích hợp dành cho merchant sử dụng thiết kế có sẵn của Cổng thanh toán OneFin – Mục 2.1)



4.2. Gửi yêu cầu thanh toán

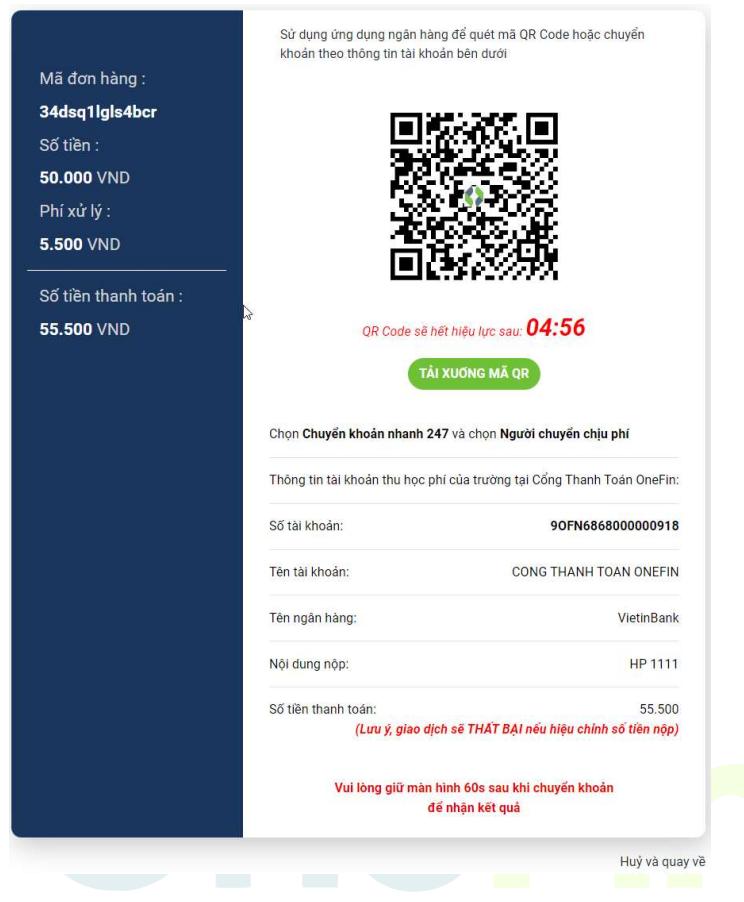
Sau khi khách hàng chọn “Thanh toán ngay”, Trình duyệt sẽ gửi yêu cầu thanh toán đến merchant server. Merchant Server gửi yêu cầu thanh toán tới OneFin Server. Đồng thời merchant nên khởi tạo một hàm setTimeout (15 phút), sau khoảng thời gian này merchant server sẽ chủ động gọi đến OPG để kiểm tra trạng thái giao dịch (trong trường hợp kết nối giữa Merchant và OPG bị gián đoạn tại thời điểm cổng đang xử lý giao dịch của khách hàng).

API: Yêu cầu thanh toán (5.1 Gửi yêu cầu thanh toán)

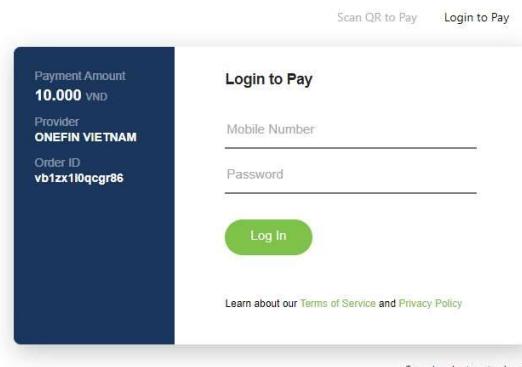
Lưu ý: Tương ứng với mỗi giá trị của tham số transactionMethod, Cổng thanh toán OneFin sẽ cho phép khách hàng truy cập đến trang tương ứng.

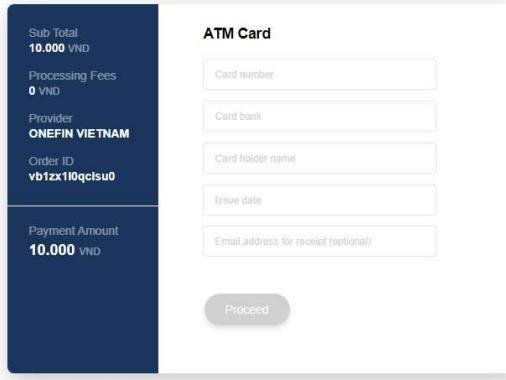
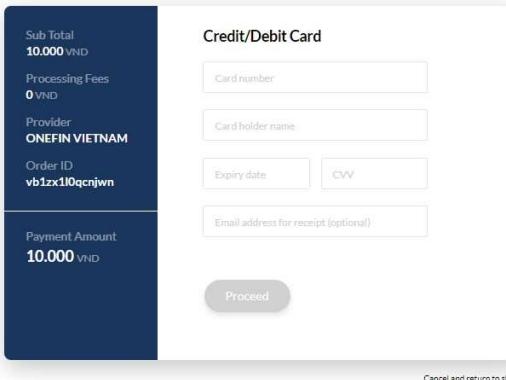
| Tham số | Màn hình |
|--|---|
| transactionMethod = null (Chọn phương thức thanh toán bên cổng OneFin) |  <p>Chọn phương thức thanh toán</p> <ul style="list-style-type: none"><input type="radio"/>  Quét mã <input type="radio"/>  Thẻ ghi nợ nội địa - ATM<input type="radio"/>  Thẻ quốc tế - Visa/Master/JCB<input type="radio"/>  Ví điện tử OneFin <p>----- hoặc -----</p> <p>Thẻ đã liên kết</p> <p><input type="radio"/>  VISA 411111*****1111 </p> <p>CHỌN</p> |

transactionMethod =
99 (Quét VietQR)



transactionMethod =
11 (Ví OneFin)



| | |
|---|---|
| transactionMethod = 10 (Thẻ ATM – Napas) |  |
| transactionMethod = 5 (Visa/Master/JCB) |  |

4.3.Chuyển hướng đến cổng thanh toán OneFin

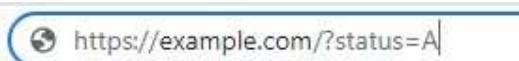
Sau khi Merchant gửi API yêu cầu thanh toán (bước 4.2), OPG sẽ trả về chi tiết kèm theo tham số “paymentURL”. Merchant redirect tới cổng OPG dựa vào liên kết trong tham số này. Khách hàng tiếp tục các bước tiếp theo để hoàn tất thanh toán.

4.4.Xử lý luồng callback từ phía cổng thanh toán OneFin

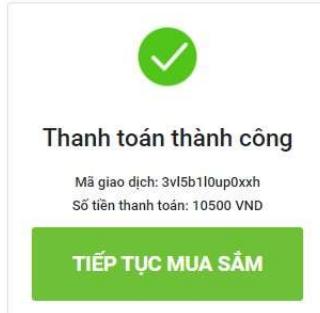
Chỉ sau khi khách hàng thanh toán thành công, OPG sẽ gọi request (API : 5.3 Callback) đến Merchant server để thông báo và merchant cập nhật kết quả (through qua API đã đăng ký ở trường “backendURL” bước 4.2).

4.5.Cổng thanh toán OneFin redirect về ứng dụng của merchant

Sau khi khách hàng thanh toán thành công hoặc xảy ra lỗi trong quá trình thanh toán, OPG sẽ redirect về app của merchant (through qua liên kết đã đăng ký tại trường “responsePageURL” tại bước 4.2), merchant sau đó thông báo kết quả thanh toán với **status code - A: Approved, T: Timeout, F: Failed** Onefin return URL:



Ví dụ kết quả hiển thị phía Merchant website:



4.6. Kiểm tra trạng thái giao dịch

Sau 15 phút ở bước 2.2 (giao dịch timeout sau 15 phút), merchant server chủ động gọi request (API 5.2 Kiểm tra trạng thái giao dịch) đến OPG.



5. API

5.1. Gửi yêu cầu thanh toán

- URL:
 - o Sandbox: <https://sit-pgw.onefin.vn/public/mweb/generatePayment>
 - o Production: <https://pgw.onefin.vn/public/mweb/generatePayment>
- Method: POST
- Content-type: application/json

| Request / Response | Fields (level 1) | Fields (level 2) | Mandatory | Data Type | Remarks |
|--------------------|------------------|-------------------|-----------|---------------|--|
| Request | signature | | Y | String | Signature of message JSON string (Tham khảo 6.2 Tạo/xác thực chữ ký (Signature)) |
| | messages | | Y | String (JSON) | JSON String of the data to initiate payment request. |
| | | merchantCode | Y | String (255) | Merchant Code (generated by OneFin server upon merchant registration) |
| | | currency | Y | String (255) | Currency type. (Tham khảo 6.1.2 Currency Code) |
| | | amount | Y | String (255) | Amount of the transaction, multiply payment amount with 100 (amount = payment amount * 100) Note: - Amount >= 5000 VND (transactionMethod = 10) - Amount > 0 VND (transactionMethod = 5, 11) |
| | | trxRefNo | Y | String (50) | Client transaction reference number, must be unique for each merchant code |
| | | backendURL | Y | String (255) | URL that receives the callback (5.3 Callback) from OneFin server |
| | | responsePageURL | Y | String (255) | URL that the browser will be route to after the transaction is done |
| | | mobileNo | Y | String (255) | Merchant mobile number |
| | | transactionMethod | Y | String (255) | Refer 6.1.3 Payment Methods Code for transaction method reference (only mandatory when actionMethod = 0) |
| | | actionMethod | Y | String (255) | Refer 6.1.3 Payment Methods Code for action method reference |
| | | email | Y | String (255) | Merchant email (mandatory only for "Credit / Debit Card (CYBS) – transactionMethod = 5"). |
| | | addressLine1 | N | String (255) | Address of the user |
| | | addressLine2 | N | String (255) | Address of the user |
| | | addressLine3 | N | String (255) | Address of the user |
| | | city | N | String (255) | User city of residence |
| | | postcode | N | String (255) | User postal code |
| | | firstName | N | String (255) | User first name |
| | | lastName | N | String (255) | User last name |
| | | memberId | N | String (255) | Mandatory for bind card option to be available |
| | | paymentToken | N | String (255) | Token from binded card (only mandatory when actionMethod = 1) |

| | | | | |
|-----------------|--------------|---|--------------------|---|
| Response | signature | Y | String | Signature of message JSON string (6.2 Tao/xác thực chữ ký (Signature)) |
| | messages | Y | String (JSON) | JSON String of the data to initiate payment response. |
| | merchantCode | Y | String (255) | Merchant Code (generated by OneFin server upon merchant registration) |
| | merchantName | Y | String (255) | Merchant name |
| | currency | Y | String (255) | Currency type |
| | amount | Y | String (255) | Amount of the transaction |
| | trxRefNo | Y | String (50) | Client transaction reference number, must be unique for each merchant code |
| | paymentURL | Y | String (255) | URL that requires the browser to redirect to get the payment page |



5.2.Kiểm tra trạng thái giao dịch

- URL:
 - o Sandbox: <https://sit-pgw.onefin.vn/public/mweb/checkPayment>
 - o Production: <https://pgw.onefin.vn/public/mweb/checkPayment>
- Method: POST
- Content-type: application/json

| Request / Response | Fields (level 1) | Fields (level 2) | Mandatory | Data Type | Remarks |
|--------------------|------------------|----------------------|-----------|---------------|--|
| Request | signature | | Y | String | Signature of message JSON string (6.2 Tao/xác thực chữ ký (Signature)) |
| | messages | | Y | String (JSON) | JSON String of the data to check status request. |
| | | merchantCode | Y | String (255) | Merchant Code (generated by OneFin server upon merchant registration) |
| | | trxRefNo | Y | String (50) | Client transaction reference number |
| Response | signature | | Y | String | Signature of message JSON string (6.2 Tao/xác thực chữ ký (Signature)) |
| | messages | | Y | String (JSON) | JSON String of the data to check status response. |
| | | merchantCode | | String (255) | Merchant Code (generated by OneFin server upon merchant registration) |
| | | currency | Y | String (255) | Currency type. (Tham khảo 6.1.2 Currency Code) |
| | | amount | Y | String (255) | Amount of the transaction |
| | | processingFee | Y | String (255) | Charges for the transaction |
| | | trxRefNo | Y | String (50) | Client transaction reference number, must be unique for each merchant code |
| | | transactionId | Y | String (255) | Transaction ID in OneFin server |
| | | statusId | Y | String (255) | Status ID of the transaction status. (Tham khảo 6.1.1 Transaction Status Code) |
| | | gatewayTransactionId | Y | String (255) | Transaction ID from payment gateway |
| | | orderId | Y | String (255) | Order ID sent to payment gateway |
| | | paymentToken | Y | String (255) | Payment Token used |
| | | errorCode | Y | String (255) | Error code returned from payment gateway |
| | | errorMessage | Y | String (255) | Error message returned from payment gateway |

5.3.Callback

- Method: POST
- Content-type: application/json

| Request / Response | Fields (level 1) | Fields (level 2) | Mandatory | Data Type | Remarks |
|--------------------|------------------|----------------------|-----------|---------------|---|
| Request | signature | | Y | String | Signature of message JSON string (4.2 Tạo/xác thực chữ ký (Signature)) |
| | messages | | Y | String (JSON) | JSON String of the data to Callback request. |
| | | merchantCode | Y | String (255) | Merchant Code (generated by OneFin server upon merchant registration) |
| | | currency | Y | String (255) | Currency type. (Tham khảo 6.1.2 Currency Code) |
| | | amount | Y | String (255) | Amount of the transaction |
| | | processingFee | Y | String (255) | Charges for the transaction |
| | | trxRefNo | Y | String (50) | Client transaction reference number, must be unique for each merchant code |
| | | transactionId | Y | String (255) | Transaction ID in OneFin server |
| | | statusId | Y | String (255) | Status ID of the transaction status. (Tham khảo 6.1.1 Transaction Status Code) |
| | | gatewayTransactionId | Y | String (255) | Transaction ID from payment gateway (mandatory pay via Napas) |
| | | orderId | Y | String (255) | Order ID sent to payment gateway (mandatory pay via Napas) |
| | | paymentToken | N | String (255) | Payment Token used |
| | | errorCode | N | String (255) | Error code returned from payment gateway |
| | | errorMessage | N | String (255) | Error message returned from payment gateway |

VIETNAM

5.4. Gửi yêu cầu tạo mã QRCode thanh toán

- URL:
 - o Sandbox: <https://sit-pgw.onefin.vn/public/mweb/generateQRCodePayment>
 - o Production: <https://pgw.onefin.vn/public/mweb/generateQRCodePayment>
- Method: POST
- Content-type: application/json

| Request / Response | Fields (level 1) | Fields (level 2) | Mandatory | Data Type | Remarks |
|--------------------|------------------|------------------|-----------|---------------|---|
| Request | signature | | Y | String | Signature of message JSON string (4.2 Tạo/xác thực chữ ký (Signature)) |
| | messages | | Y | String (JSON) | JSON String of the data to initiate payment request. |
| | | merchantCode | Y | String (255) | Merchant Code (generated by OneFin server upon merchant registration) |
| | | | | | <ul style="list-style-type: none"> • ItemCode (string 50) • ItemName (string 255) • Price (long) • Quantity (int) • ItemAmount (long) • MerchantAcId (string 255) [{ itemCode:"", itemName:"", price: 0, quantity: 0, itemAmount:0, merchantAcId: "" }] |
| | | paymentDetail | N | JSON | |
| | | currency | Y | String (255) | Currency type. Refer 4.1 Code |
| | | amount | Y | String (255) | Amount of the transaction, multiply payment amount with 100 (amount = payment amount * 100) Note: <ul style="list-style-type: none"> - Amount >= 5000 VND (transactionMethod = 10) - Amount > 0 VND (transactionMethod = 5, 11) |

| | | | | |
|----------|-------------------|---|-----------------|---|
| | trxRefNo | Y | String (50) | Client transaction reference number, must be unique for each merchant code |
| | mobileNo | Y | String (255) | Merchant mobile number |
| | transactionMethod | Y | String (255) | Refer 6.1 Code for transaction method reference - transactionMethod : 98 |
| | email | Y | String (255) | Merchant email |
| | addressLine1 | N | String (255) | Address of the user |
| | addressLine2 | N | String (255) | Address of the user |
| | addressLine3 | N | String (255) | Address of the user |
| | city | N | String (255) | User city of residence |
| | postcode | N | String (255) | User postal code |
| | firstName | N | String (255) | User first name |
| | LastName | N | String (255) | User last name |
| | memberId | N | String (255) | Mandatory for bind card option to be available |
| Response | signature | Y | String | Signature of message JSON string (4.2 Tạo/xác thực chữ kí (Signature)) |
| | messages | Y | String (JSON) | JSON String of the data to initiate payment response. |
| | bank | Y | String (255) | Bank Name |
| | virtualAcctId | Y | String (255) | Virtual account number |
| | virtualAcctName | Y | String (255) | Virtual account name |
| | qrImg | Y | String (Base64) | QRCode Image Base64 |
| | releaseTime | Y | String (50) | The virtual account is valid from this moment |
| | period | Y | String (255) | The lifespan of the virtual account in second. |
| | amount | Y | String (255) | The amount of the transaction (amount = payment amount * 100) |
| | fee | Y | String (255) | The fee of transaction when use vietqr payment method (fee = vietqr payment method fee * 100) |
| | totalAmount | Y | String (255) | The total amount of transaction (fee included) |
| | currency | Y | String (255) | Currency type |

| | | | | | |
|--|--|-------------|---|-----------------|--|
| | | description | Y | String (255) | Bank transaction description is auto-generated with provided format : `CK thanh toán cho \$merchantName` |
|--|--|-------------|---|-----------------|--|



6. THÔNG TIN THAM KHẢO VÀ DỮ LIỆU TEST

6.1. Code

6.1.1. Transaction Status Code

| Transaction Status ID | Transaction Status | Mô tả |
|-----------------------|--------------------|--|
| 100 | APPROVED | Giao dịch thành công |
| 106 | OPENED | Giao dịch đang chờ phản hồi từ phía đối tác (napas, cybs) |
| 102 | DECLINED | Giao dịch thất bại |
| 104 | SETTLED | Giao dịch đã được xử lý thành công thông qua batch job vào cuối ngày, không thể vô hiệu (can't void) giao dịch |
| 105 | CANCELLED | Giao dịch bị hủy |
| 107 | VOIDED | Giao dịch vô hiệu thành công (voided successfully) |

6.1.2. Currency Code

| Currency Type | Mô tả |
|---------------|--------------|
| VND | Vietnam đồng |

6.1.3. Payment Methods Code

| TransactionMethod | Mô tả |
|-------------------|-------------------------------|
| 5 | Visa, Master, JCB (CYBS) |
| 10 | Thẻ ATM (Napas) |
| 11 | Ví OneFin |
| 98 | Tạo mã QR thanh toán |
| 99 | Quét VietQR (Chuyển khoản NH) |

| ActionMethod | Mô tả |
|--------------|---|
| 0 | Thanh toán thông qua thẻ |
| 1 | Thanh toán với token (hiện tại chưa hỗ trợ) |

6.2. Tạo/xác thực chữ ký (Signature)

- Algorithm: SHA1WithRSA
- Data: Message
- Result: Hex String
- Code mẫu: File đính kèm

6.3. Dữ liệu test

- Mã merchant và trao đổi key: File đính kèm
- Phương thức thanh toán

1. Ví OneFin:

Liên hệ 1900.99.6688

Hướng dẫn cài đặt:

Bước 1: Gỡ cài đặt ứng dụng OneFin hiện tại trong thiết bị

Bước 2:

- Đối với Android, click vào link download sau đó cài đặt app từ file apk

- Đối với iOS, sau khi click vào link download, tiếp tục các bước sau:
 - Vào biểu tượng "Cài đặt" của điện thoại
 - Chọn "Cài đặt chung" --> "Quản lý thiết bị" --> "Soft Space Sdn. Bhd"
 - Chọn "Tin cậy ứng dụng Soft Space Sdn. Bhd"
- Sau hai bước này, có thể bắt đầu sử dụng ứng dụng.
- Lưu ý:
 - Đây là môi trường test SIT.
 - Để bắt đầu test được, cần thực hiện đăng ký tài khoản ví, sau đó:
 - Thực hiện eKYC (thông tin thật)
 - Liên kết với "thẻ test ATM"

2. Thẻ test ATM:

| Số thẻ | Chủ thẻ | Ngày hiệu lực | Mã OTP | Lưu ý |
|-------------------|--------------|---------------|--------|--------------------|
| 97040000000000018 | Nguyen Van A | 03/07 | otp | Host form at Napas |
| 9704020000000016 | | | | Host form at Napas |
| 9704000000000026 | | | | Host form at Napas |
| 9704000000000034 | | | | Host form at Napas |
| 9704000000000042 | | | | Host form at Napas |
| 9704020000000018 | | | | Host form at Napas |
| 9704000000000075 | | | | Host form at Napas |
| 9704000000000091 | | | | Host form at Napas |
| 9704000000000083 | | | | Host form at Napas |
| 9704000000000059 | | | | Host form at Napas |
| 9704020000000016 | | | | Host form at Bank |

3. Thẻ test – thẻ tín dụng/ghi nợ (CYBS)

| Số thẻ | Chủ thẻ | Ngày hết hạn | CVV | Mật khẩu cho 3D secure |
|------------------------------------|----------|--------------|--------------------|------------------------|
| VISA: 4111111111111111 | Any name | 12/2022 | any num (3 digits) | |
| MasterCard: 555555555554444 | Any name | 12/2022 | any num (3 digits) | |
| JCB: 3566111111111113 | Any name | 12/2022 | any num (3 digits) | |
| VISA 3D: 4000000000000002 | Any name | 12/2022 | 123 | 1234 |
| VISA 3D: 4000000000000127 | Any name | 12/2022 | 123 | 1234 |
| MasterCard 3D: 5200000000000007 | Any name | 12/2022 | 123 | 1234 |
| MasterCard 3D: 5200000000000106 | Any name | 12/2022 | 123 | 1234 |